

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 10 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trần Ngọc Luân.

+ Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ 4, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Chu Thị N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 03/7/2019 và lời khai tại Tòa án, ông Phạm Văn H là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Chu Thị N kết hôn tự nguyện và có đăng ký ngày 13/9/1994 tại UBND phường N, quận K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2008 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông thường xuyên vắng nhà, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Tháng

6/2010 bà N về nhà cha mẹ để ở thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam sinh sống. Vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho ông được ly hôn với bà Chu Thị N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2019, bà Chu Thị N là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và thời gian sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng đúng như ông H trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc của ông H thường xuyên vắng nhà nên không có điều kiện chăm sóc vợ con. Nay ông H ly hôn bà không nhất trí vì bà xác định tình cảm với ông H vẫn còn.

Về con chung: Ông H, bà N có hai con chung là chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1995 đã lao động tự lập được nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và cháu Chu Phương A, sinh ngày 06/3/2009 đang ở với bà N. Ông H, bà N thống nhất thỏa thuận khi ly hôn giao cháu A cho bà N nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Ông H không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị N. Hiện tại bà N không mang thai.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn ly hôn của ông Phạm Văn H. 1. Xử lý hôn giữa ông Phạm Văn H và bà Chu Thị N. 2. Về con chung: Giao cháu Chu Phương A, sinh ngày 06/3/2009 cho bà N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Ông H không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của bà N. 3. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Ý kiến

của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng, dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của ông Phạm Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bà Chu Thị N là bị đơn; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Tại phiên tòa, ông Phạm Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Chu Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Đây là trường hợp đương sự vắng mặt theo quy định tại điểm a điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn H và bà Chu Thị N kết hôn tự nguyện và có đăng ký ngày 13/9/1994 tại UBND phường N, quận K, thành phố Hải Phòng, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2008 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc của ông H đi làm xa thường xuyên vắng nhà, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Tháng 6/2010 bà N đã về nhà cha mẹ đẻ ở, vợ chồng sống sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Ông H ly hôn bà N không nhất trí. Xét thấy ông H, bà N sống ly thân đã nhiều năm nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H ly hôn bà N là có căn cứ, phù hợp với Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông H bà N có hai con chung là chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1995 đã trưởng thành, lao động tự lập được nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và cháu Chu Phương A, sinh ngày 06/3/2009 đang ở với bà N. Khi ly hôn ông H, bà N thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con. Do đó thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp quy định các Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình để giao cháu A cho bà N nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Ông H không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của bà N. Hiện bà N không mang thai.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Ông Phạm Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa ông Phạm Văn H và bà Chu Thị N.
2. Về con chung: Giao cháu Chu Phương A, sinh ngày 06/3/2009 cho bà Chu Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Ông H không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của bà N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Ông Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001591 ngày 01/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Ông H đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Nguyệt

